

Bản án số: 168/2024/DS-ST
Ngày 12 - 8 - 2024
V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái

Ông Nguyễn Minh Trọn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Trung Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc “tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lữ Thị N, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Bị đơn:**

1. Ông Võ Phan R, sinh năm 1966 (vắng mặt).

2. Bà Trương Thị L, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà N trình bày:

Dây hui thứ nhất: Vào ngày 25/01/2021 âm lịch, bà làm chủ dây hui giá 2.000.000 đồng, hui khai 01 tháng 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, dây hui có 43 hui viên tham gia, ông R và bà L tham gia 03 phần (đứng tên hui viên là R, tại số T, 09, 10), đến ngày 25/6/2021 âm lịch, ngày 25/4/2022 âm lịch và ngày 25/10/2022 âm lịch, ông R và bà L hốt hết 03 phần hui. Bà đã giao đủ tiền lĩnh hui cho ông R và bà L.

Dây hội thứ hai: Vào ngày 20/10/2021 âm lịch, bà làm chủ dây hội giá 1.000.000 đồng, hội khui 01 tháng 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, dây hội có 37 hội viên tham gia, ông R và bà L tham gia 02 phần (đứng tên hội viên là Rang, tại số T, 20), đến ngày 20/8/2022 âm lịch, đến ngày 20/10/2022 âm lịch, ông R và bà L hốt cả 02 phần hội. Tôi đã giao đủ tiền lĩnh hội cho ông R và bà L.

Dây hội thứ ba: Vào ngày 10/02/2022 âm lịch, bà làm chủ dây hội giá 2.000.000 đồng, hội khui 01 tháng 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, dây hội có 33 hội viên tham gia, ông R và bà L tham gia 01 phần (đứng tên hội viên là R, tại số T). Đến ngày 10/7/2022 âm lịch, ông R và bà L hốt phần hội này. Bà đã giao đủ tiền lĩnh hội cho ông R và bà L.

Sau đó, ông R và bà L có đóng lại hội chết cho đến tháng 01 năm 2023 âm lịch. Cả 03 dây hội đều chưa mãn.

Đến ngày 21/02/2023 âm lịch thì giữa bà với vợ chồng ông R và bà L tổng hợp nợ hội, trước sự chứng kiến của ông Trần Văn H là Trưởng Ban nhân dân ấp V, xã P. Từ khi tổng hợp nợ cho đến nay, phía ông R và bà L vẫn không trả tiền hội cho bà như thỏa thuận.

Dây hội thứ nhất: tính từ tháng 02 năm 2023 âm lịch đến tháng 4 năm 2024 âm lịch là 14 tháng, ông R và bà L chưa đóng và còn nợ bà 84.000.000 đồng.

Dây hội thứ hai: tính từ tháng 02 năm 2023 âm lịch đến tháng 4 năm 2024 âm lịch là 14 tháng, ông R và bà L chưa đóng và còn nợ tôi 28.000.000 đồng.

Dây hội thứ ba: tính từ tháng 02 năm 2023 âm lịch đến tháng 4 năm 2024 âm lịch là 14 tháng, ông R và bà L chưa đóng và còn nợ bà 28.000.000 đồng.

Tổng cộng 06 phần hội này, phía ông R và bà L còn nợ lại bà là 140.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Võ Phan R và bà Trương Thị L trả cho bà 140.000.000 đồng.

Bị đơn bà L trình bày:

Về các dây hội, thời gian tham gia hội, nội dung giao dịch hội thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn, từ tháng 01 năm 2023 âm lịch bà ngưng đóng đến nay, nguyên đơn yêu cầu từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 4 năm 2024 âm lịch là 14 tháng với số tiền 140.000.000 đồng bà đồng ý trả, tuy nhiên do điều kiện khó khăn, hiện nay không có khả năng trả nên bà không đồng ý trả vào lúc này, khi nào bà trả nợ ngân hàng xong thì bà sẽ trả nợ cho bà N.

Các dây hội này bà tham gia sau đó hốt để trả nợ cho bà N, do trước đó bà có vay tiền của bà N để chi xài trong gia đình, bà xác định đây là nợ riêng của bà, ông R không biết nên bà tự trả không yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của ông R.

Bị đơn ông R trình bày:

Bà N yêu cầu ông cùng vợ ông là bà L trả tiền hội ông không đồng ý vì bà N và bà L giao dịch với nhau như thế nào ông không biết, từ trước đến nay ông không có giao dịch hay ký nhận nợ gì với bà N nên không có liên quan đến số nợ này, trường hợp bà L có tham gia hội hay vay tiền của bà N thì bà L tự có nghĩa vụ trả.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tại thời điểm chốt

nợ hui, bà và bị đơn thống nhất các dây hui bị đơn còn nợ 21 kỳ hui chết với tổng số tiền là 210.000.000 đồng, tại thời điểm khởi kiện, đã mở thêm 14 kỳ nên bà yêu cầu bị đơn trả 14 kỳ tương đương 140.000.000 đồng, còn lại 07 kỳ bà sẽ yêu cầu khi mãn hui.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông R yêu cầu xét xử vắng mặt, bà L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hui thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Việc bà L tham gia 06 phần hui ở các dây hui mở ngày 21/01/2021 âm lịch, loại hui 2.000.000 đồng, dây hui mở ngày 20/10/2021 âm lịch, loại hui 1.000.000 đồng, dây hui mở ngày 10/02/2022, loại hui 2.000.000 đồng, do bà N làm chủ hui là có xảy ra trên thực tế được bà N, bà L thừa nhận, quá trình tham gia hui, bà L đã hót hết các phần hui, sau đó đóng hui chết đến tháng 01 năm 2023 âm lịch thì ngưng đóng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ.

Bà L thống nhất số tiền nợ đến tháng 4 năm 2024 là 140.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả do điều kiện khó khăn, khi nào bà L trả xong tiền Ngân hàng thì sẽ trả nợ cho nguyên đơn.

Xét thấy bà L đã hót hết các phần hui nên phải có nghĩa vụ đóng tiền hui chết theo thỏa thuận, đồng thời theo biên nhận nợ tiền vay và tiền hui ngày 31/01/2023 hai bên thống nhất toàn bộ tiền nợ hui là 210.000.000 đồng, do bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu trả số tiền nợ nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bà L và ông R có nghĩa vụ cùng trả, bà L, ông R xác định đây là nợ riêng của bà L nên bà L có nghĩa vụ trả.

Xét thấy: Tại thời điểm hai bên thực hiện giao dịch, ông R và bà L là vợ chồng, danh sách hui cũng ghi tên ông R là hui viên, đồng thời bà L trình bày bà tham gia hui và hót hui để trả nợ cho bà N do bà có vay tiền của bà N để chi xài trong gia đình, do đó có cơ sở xác định đây là nợ chung của ông R, bà L nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ cùng trả số nợ này là có căn cứ, được chấp nhận.

Theo biên nhận nợ tiền vay và tiền hui ngày 31/01/2023 hai bên thống nhất tiền nợ hui là 210.000.000 đồng tương đương với 21 kỳ hui, tại phiên tòa nguyên đơn xác định yêu cầu 140.000.000 đồng tương đương với 14 kỳ do tại thời điểm khởi kiện các dây hui đã mở thêm 14 kỳ nhưng bị đơn không đóng hui cho bà, còn lại 07 kỳ hui chưa khai nên bà chưa khởi kiện, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 140.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu là: 7.000.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu nên được nhận lại toàn bộ số tiền đã dự nộp.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị N. Buộc bà Trương Thị L và ông Võ Phan R có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lữ Thị N số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lữ Thị N không phải chịu, hoàn trả lại cho bà N 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003474 ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Bà Trương Thị L và ông Võ Phan R phải chịu 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), chưa nộp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7,b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

